

# CTCP Thực phẩm Bích Chi (HNX: BCF)

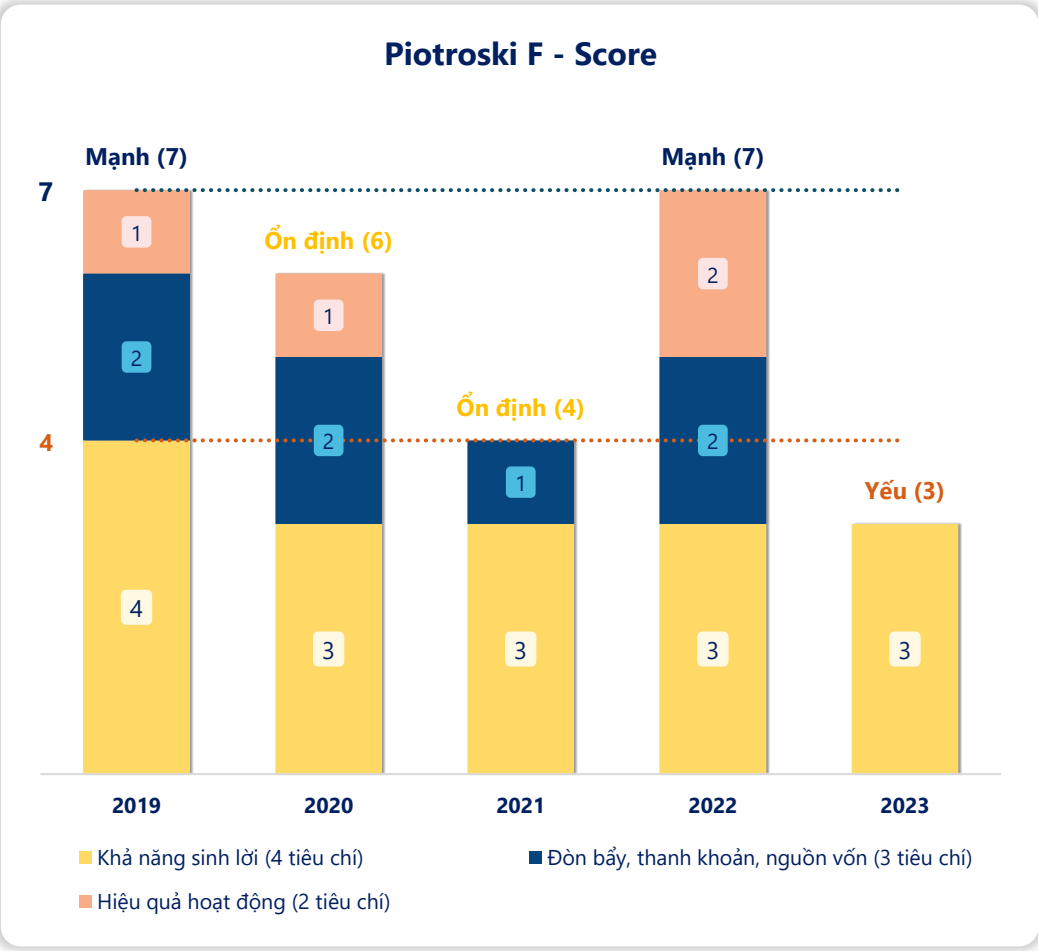
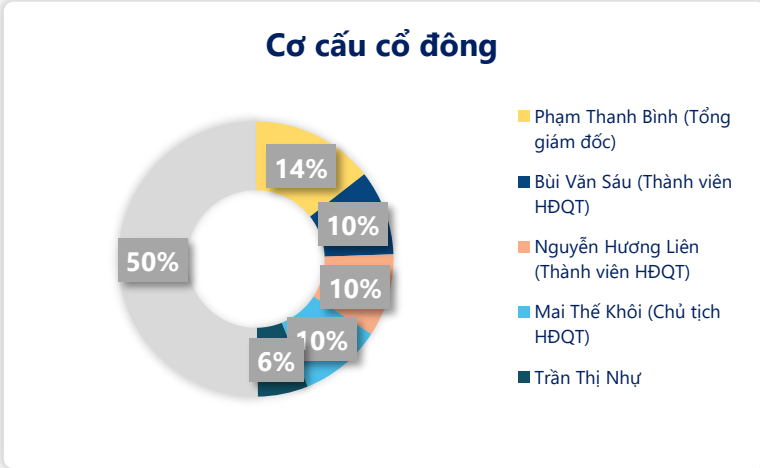
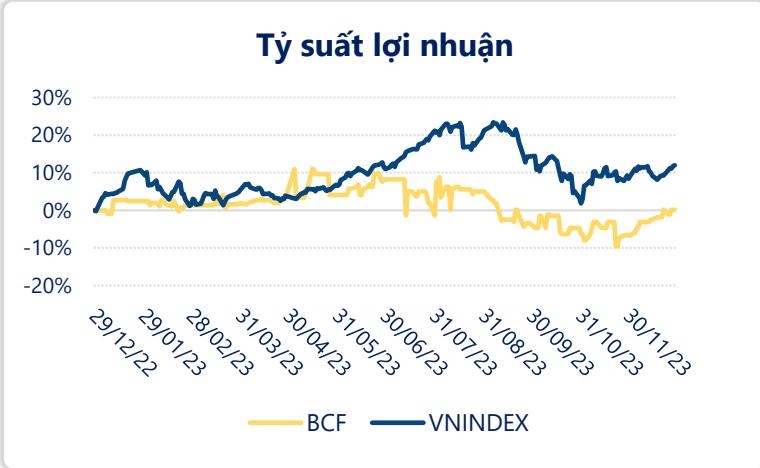
Bảng điểm Piotroski F-Score đánh giá sức khỏe tài chính của doanh nghiệp về tỷ suất lợi nhuận, cơ cấu vốn, tính thanh khoản và hiệu quả hoạt động. Thành phần của Piotroski F-Score gồm 9 chỉ tiêu tài chính, tương ứng với thang điểm từ 0 đến 9.

Ngày	31,000 VNĐ		
29/12/2023			
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	10.1%	5.0%	-4.4%

Sức mạnh tài chính	2023
Piotroski F - Score	3/9
2023	(Yếu)

DT thuần	2023
594	YoY ▼ 104 ▼ 14.8%
tỷ VNĐ	

LN sau thuế	2023
63.5	YoY ▼ 44.5 ▼ 41.3%
tỷ VNĐ	



Năm 2023, F-Score của BCF đạt 3/9 thấp hơn năm trước cho thấy dấu hiệu báo động về sức khỏe tài chính đang giảm xuống mức "yếu".

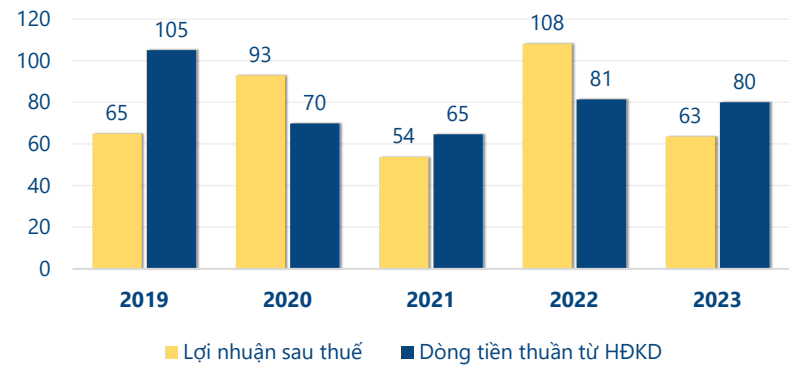
Trong đó, khả năng sinh lời không đổi đạt 3/4 điểm, các tiêu chí về: đòn bẩy, thanh khoản, nguồn vốn không đạt tiêu chí nào 0/3. Và tiêu chí về hiệu quả hoạt động, không đạt điểm nào cho thấy hiệu quả hoạt động của công ty chưa tốt.

F-Score ở mức yếu là một tín hiệu xấu cho thấy sự đáng lo ngại về tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh của công ty. Phản ánh tình trạng không ổn định và rủi ro tài chính cao.

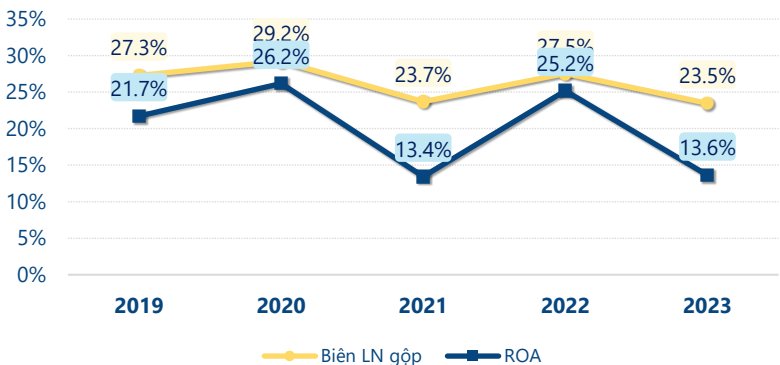
## CTCP Thực phẩm Bích Chi (HNX: BCF)

tỷ VNĐ

### Đánh giá lợi nhuận, dòng tiền



### Tỷ suất lợi nhuận

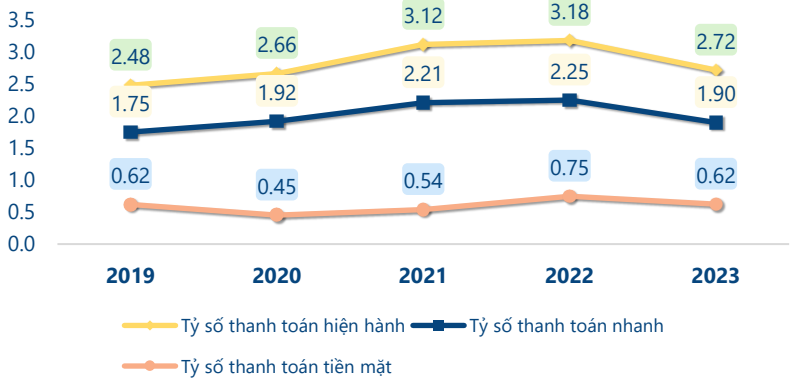


### Vòng quay tài sản

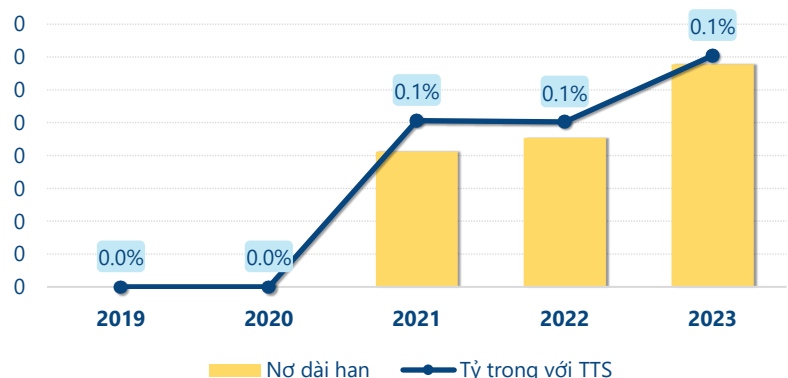


Xét các tiêu chí thành phần của F-Score năm 2023 của BCF: Dòng tiền từ hoạt động kinh doanh lớn hơn lợi nhuận sau thuế và 2 chỉ tiêu này đều dương là một tín hiệu tích cực cho thấy công ty có chất lượng lợi nhuận tốt và duy trì hoạt động kinh doanh một cách bền vững. Công ty đang gặp khó khăn trong việc tạo ra lợi nhuận từ mỗi đơn vị tài sản khi ROA giảm so với năm trước. Tỷ lệ nợ dài hạn so với tổng tài sản tăng có thể tạo ra mức độ phụ thuộc cao hơn vào vốn vay dài hạn, làm tăng rủi ro tài chính cho doanh nghiệp. Tuy nhiên cũng có thể phản ánh chiến lược tài chính hoặc nhu cầu vốn vay để đầu tư và mở rộng hoạt động. Sự suy giảm của tỷ số thanh toán hiện hành có thể gây lo ngại về khả năng thanh toán các nghĩa vụ nợ ngắn hạn, tuy nhiên cũng cần phân tích kỹ hơn để hiểu rõ nguyên nhân của sự suy giảm này. Công ty phát hành cổ phiếu trong kỳ có thể dẫn đến EPS bị pha loãng, làm giảm giá trị cổ phiếu và giảm sự hấp dẫn của công ty đối với các nhà đầu tư.

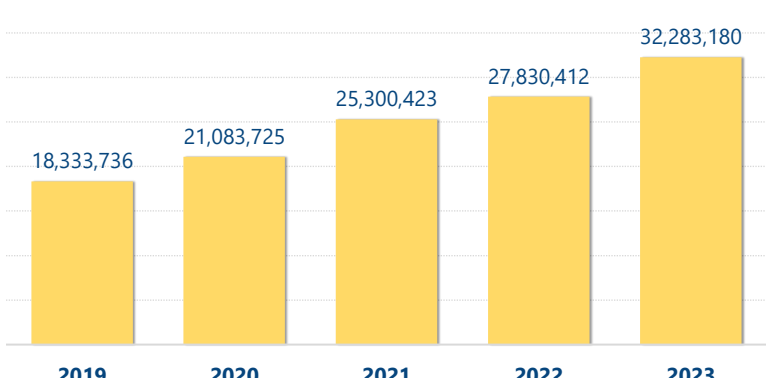
### Chỉ số thanh khoản



### Nợ dài hạn



### Số lượng cổ phiếu lưu hành



CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2023	Tại ngày 31/12/2022	Thay đổi
<b>Tổng tài sản</b>	<b>482</b>	<b>452</b>	<b>6.6%</b>
<b>Tài sản ngắn hạn</b>	<b>347</b>	<b>359</b>	<b>-3.4%</b>
Tiền và tương đương tiền	79.4	84.3	-5.8%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	89.1	89.6	-0.6%
Phải thu ngắn hạn	66.1	76.3	-13.3%
Hàng tồn kho	104	105	-0.6%
Tài sản ngắn hạn khác	7.77	3.78	106%
<b>Tài sản dài hạn</b>	<b>135</b>	<b>93.1</b>	<b>45.0%</b>
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	66.2	75.6	-12.4%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	68.7	17.0	304%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	<b>0.16</b>	<b>0.54</b>	<b>-70.9%</b>
Lợi thế thương mại	0	0	
<b>Nợ phải trả</b>	<b>128</b>	<b>113</b>	<b>13.2%</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>128</b>	<b>113</b>	<b>13.1%</b>
Vay và nợ thuê ngắn hạn	53.1	39.0	36.1%
Phải trả người bán ngắn hạn	15.4	12.1	27.3%
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>0.34</b>	<b>0.23</b>	<b>49.4%</b>
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
<b>Nguồn vốn chủ sở hữu</b>	<b>354</b>	<b>339</b>	<b>4.4%</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>354</b>	<b>339</b>	<b>4.4%</b>
Vốn điều lệ	323	278	16.0%
<b>Kinh phí và quỹ khác</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	2019	2020	2021	2022	2023
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>530</b>	<b>592</b>	<b>512</b>	<b>698</b>	<b>594</b>
Giá vốn hàng bán	386	419	390	506	455
<b>Lợi nhuận gộp</b>	<b>145</b>	<b>173</b>	<b>121</b>	<b>192</b>	<b>139</b>
Doanh thu HĐTC	3.27	7.60	8.77	15.1	13.5
Chi phí TC	2.19	1.50	2.18	3.90	3.70
<b>Chi phí lãi vay</b>	<b>1.50</b>	<b>0.83</b>	<b>0.83</b>	<b>1.02</b>	<b>1.71</b>
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	38.1	39.6	45.5	58.3	42.4
Chi phí QLDN	22.7	23.6	22.8	25.7	26.7
<b>LN thuần từ HĐKD</b>	<b>85.1</b>	<b>116</b>	<b>59.5</b>	<b>119</b>	<b>80.1</b>
Lợi nhuận khác	-2.80	0.72	8.37	15.9	-0.05
<b>LN trước thuế</b>	<b>82.3</b>	<b>117</b>	<b>67.8</b>	<b>135</b>	<b>80.1</b>
<b>Lợi nhuận sau thuế</b>	<b>64.9</b>	<b>93.0</b>	<b>53.8</b>	<b>108</b>	<b>63.5</b>
<b>LNST của CĐ cty mẹ</b>	<b>64.9</b>	<b>93.0</b>	<b>53.8</b>	<b>108</b>	<b>63.5</b>

LƯU CHUYỂN TIỀN 1 (tỷ VNĐ)	2019	2020	2021	2022	2023
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	105	69.8	64.6	81.4	80.0
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-39.4	-74.9	-10.1	-8.94	-52.8
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-36.8	0.87	-52.4	-45.3	-33.9
Tiền đầu kỳ	28.0	57.4	53.9	55.8	84.3
<b>Lưu chuyển tiền thuần</b>	<b>28.9</b>	<b>-4.24</b>	<b>2.09</b>	<b>27.2</b>	<b>-6.80</b>
Ảnh hưởng tỷ giá	0.45	0.65	-0.12	1.27	1.87
Tiền cuối kỳ	57.4	53.9	55.8	84.3	79.4